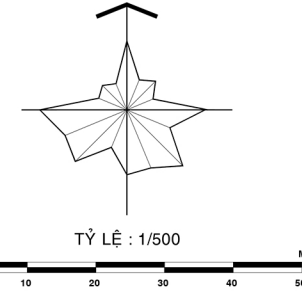


ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500
KHU NHÀ Ở GÒ SAO PHƯỜNG THANH XUÂN (QUẬN 12 - TP. HỒ CHÍ MINH)
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



KÍ HIỆU :

- — — — — RANH QUY HOẠCH
- - - - - RANH ĐIỀU CHỈNH
[Symbol] CCCT KẾT HỢP TMDV
[Symbol] TRƯỜNG MẦM NON
[Symbol] TRƯỜNG TIỂU HỌC
[Symbol] ĐẤT Ở NHÀ THẤP TẦNG (NHÀ LIÊN KẾ)
[Symbol] CÔNG VIÊN CÂY XANH
[Symbol] TẦNG CAO CÔNG TRÌNH
[Symbol] ĐƯỜNG GIAO THÔNG
[Symbol] (GD1) TRƯỜNG MẦM NON
[Symbol] (GD2) TRƯỜNG TIỂU HỌC
[Symbol] (CV) CÔNG VIÊN CÂY XANH
[Symbol] (HB) HỒ BƠI
[Symbol] (CC) CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, CÔNG TRÌNH HTKT

BẢNG CHỈ TIÊU KTKT TOÀN KHU			
STT	LOẠI CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	
1	DIỆN TÍCH ĐẤT	M ²	86.192,60
2	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT (CTSD) ĐẤT	M ² /NGƯỜI	11,19
3	CTSD ĐẤT NHÒM NHÀ Ở CHUNG CỤ	M ² /NGƯỜI	5,56
ĐẤT Ở	ĐẤT Ở		1,88
	ĐẤT CÂY XANH		1,97
	GIAO THÔNG NỘI BỘ		1,90
	ĐẤT GIAO DỤC		1,95
4	CTSD ĐẤT CÔNG TRÌNH DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	M ² /NGƯỜI	1,95
ĐẤT GIAO DỤC	ĐẤT GIAO DỤC		1,85
	ĐẤT GIAO DỤC		1,85
	ĐẤT GIAO DỤC		1,85
	ĐẤT GIAO DỤC		1,85
5	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH TOÀN KHU (CƠ TÍNH CÂY XANH NHÒM NHÀ Ở CHUNG CỤ)	M ²	18.100,00
6	CTSD ĐẤT CÂY XANH TOÀN KHU	M ² /NGƯỜI	2,35
7	QUY MÔ DÂN SỐ	NGƯỜI	7.700
DÂN SỐ NHÀ Ở LIÊN KẾ	DÂN SỐ NHÀ Ở LIÊN KẾ		144
	DÂN SỐ NHÀ CHUNG CỤ		7.556
8	TỔNG SỐ NHÀ Ở LIÊN KẾ	CĂN	36
9	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG TOÀN KHU	M ²	20.062,97
CHUNG CỤ CAO TẦNG	CHUNG CỤ CAO TẦNG		12.710,00
	NHÀ LIÊN KẾ		2.692,97
	GIAO DỤC		4.500,00
	CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG		160,00
10	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TOÀN KHU	%	23,28
11	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN TOÀN KHU	M ²	212.615,34
CHUNG CỤ CAO TẦNG	CHUNG CỤ CAO TẦNG		192.640,00
	NHÀ LIÊN KẾ		8.078,91
	GIAO DỤC		11.936,43
	CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG		160,00
12	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN KHU	LẦN	2,47
NHÓM 0 (KHU CCCT - KHU LIÊN KẾ)			
DIỆN TÍCH ĐẤT	DIỆN TÍCH ĐẤT		45.988,25
	CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT		5,97
	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG		15.402,97
	MIXD		33,49
TỔNG DIỆN TÍCH SÀN	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN		200.718,91
	HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT		4,36
14	TẦNG CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA	TẦNG	1 - 19
CHUNG CỤ CAO TẦNG	CHUNG CỤ CAO TẦNG		18
	NHÀ LIÊN KẾ		3
	GIAO DỤC		1
	CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG		1
15	CHIỀU CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA	M	70
CHUNG CỤ CAO TẦNG	CHUNG CỤ CAO TẦNG		70
	NHÀ LIÊN KẾ		18
	GIAO DỤC		15
	GIAO DỤC		15

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN KHU			
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT NHÒM 0	45.988,25	53,36
CHUNG CỤ CAO TẦNG	CHUNG CỤ CAO TẦNG	41.979,21	35,49
	NHÀ THẤP TẦNG	4.007,04	3,71
	ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH TẬP TRUNG	3.200,00	3,71
	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	15.000,00	17,40
TRƯỜNG MẦM NON	TRƯỜNG MẦM NON	5.211,90	6,05
	TRƯỜNG TIỂU HỌC	9.788,10	11,36
	TRƯỜNG TIỂU HỌC	22.006,35	25,53
	TỔNG CỘNG	86.192,60	100,00
DÂN SỐ (NGƯỜI)			
			7.700

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH NHÓM NHÀ Ở CAO TẦNG			
STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M ²)	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT XÂY DỰNG	12.710,00	30,28
2	ĐẤT CÔNG VIÊN CÂY XANH	14.900,00	35,49
3	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ	14.369,21	27,02
TỔNG CỘNG			41.979,21

BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHUNG CỤ LỘ C1				
STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	THEO QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC DUYỆT	GHI CHÚ
1	DIỆN TÍCH ĐẤT	M ²	6.858,00	Không đổi
2	TẦNG CAO	TẦNG	18	18
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
3	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	M ²	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
4	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	%	30,62%	30,62%
	KHOẢNG CÁCH	M	30,62%	30,62%
	KHOẢNG CÁCH	M	30,62%	30,62%
	KHOẢNG CÁCH	M	30,62%	30,62%
5	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (theo gồm tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	26.240,00	26.240,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
6	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (không tính tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	26.100,00	26.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00

BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHUNG CỤ LỘ C2				
STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	THEO QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC DUYỆT	GHI CHÚ
1	DIỆN TÍCH ĐẤT	M ²	6.858,00	Không đổi
2	TẦNG CAO	TẦNG	18	18
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
3	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	M ²	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
4	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	%	30,62%	30,62%
	KHOẢNG CÁCH	M	30,62%	30,62%
	KHOẢNG CÁCH	M	30,62%	30,62%
	KHOẢNG CÁCH	M	30,62%	30,62%
5	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (theo gồm tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	26.240,00	26.240,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
6	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (không tính tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	26.100,00	26.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.100,00	2.100,00

BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHUNG CỤ LỘ C3				
STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	THEO QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC DUYỆT	GHI CHÚ
1	DIỆN TÍCH ĐẤT	M ²	12.804,77	12.804,77
2	TẦNG CAO	TẦNG	15	15
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
3	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	M ²	2.710,00	2.710,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.710,00	2.710,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.710,00	2.710,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.710,00	2.710,00
4	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	%	20,97%	20,97%
	KHOẢNG CÁCH	M	20,97%	20,97%
	KHOẢNG CÁCH	M	20,97%	20,97%
	KHOẢNG CÁCH	M	20,97%	20,97%
5	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (theo gồm tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	55.187,65	55.187,65
	KHOẢNG CÁCH	M	2.710,00	2.710,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.710,00	2.710,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.710,00	2.710,00
6	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (không tính tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	51.240,00	51.240,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.710,00	2.710,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.710,00	2.710,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.710,00	2.710,00

BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHUNG CỤ LỘ C4				
STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	THEO QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC DUYỆT	GHI CHÚ
1	DIỆN TÍCH ĐẤT	M ²	10.842,17	10.842,17
2	TẦNG CAO	TẦNG	15	15
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
3	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	M ²	2.800,00	2.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.800,00	2.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.800,00	2.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.800,00	2.800,00
4	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	%	25,87%	25,87%
	KHOẢNG CÁCH	M	25,87%	25,87%
	KHOẢNG CÁCH	M	25,87%	25,87%
	KHOẢNG CÁCH	M	25,87%	25,87%
5	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (theo gồm tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	48.168,00	48.168,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.800,00	2.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.800,00	2.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.800,00	2.800,00
6	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (không tính tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	45.000,00	45.000,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.800,00	2.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.800,00	2.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	2.800,00	2.800,00

BẢNG CHỈ TIÊU KINH TẾ KỸ THUẬT CHUNG CỤ LỘ C5				
STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	THEO QUYẾT ĐỊNH ĐƯỢC DUYỆT	GHI CHÚ
1	DIỆN TÍCH ĐẤT	M ²	5.908,84	5.908,84
2	TẦNG CAO	TẦNG	15	15
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
	KHOẢNG CÁCH	M	1	1
3	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	M ²	1.800,00	1.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	1.800,00	1.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	1.800,00	1.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	1.800,00	1.800,00
4	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG	%	30,46%	30,46%
	KHOẢNG CÁCH	M	30,46%	30,46%
	KHOẢNG CÁCH	M	30,46%	30,46%
	KHOẢNG CÁCH	M	30,46%	30,46%
5	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (theo gồm tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	27.712,00	27.712,00
	KHOẢNG CÁCH	M	1.800,00	1.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	1.800,00	1.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	1.800,00	1.800,00
6	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN (không tính tầng hầm & tầng kỹ thuật)	M ²	24.200,00	24.200,00
	KHOẢNG CÁCH	M	1.800,00	1.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	1.800,00	1.800,00
	KHOẢNG CÁCH	M	1.800,00	1.800,00

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

HẸM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: _____ NGÀY _____ THÁNG _____ NĂM _____

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ QUẬN 12

HẸM THEO CÔNG VĂN SỐ: _____ NGÀY _____ THÁNG _____ NĂM _____

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: _____

CÔNG TRÌNH - SƠ ĐỒ: _____

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500

KHU NHÀ Ở GÒ SAO PHƯỜNG THANH XUÂN

QUẬN 12 - TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ: _____

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: _____

THIẾT KẾ: _____

CHỦ TRÌ: _____

CHỦ NHIỆM: _____

TRƯỞNG PHÒNG: _____

Q.L. KỸ THUẬT: _____

GIÁM ĐỐC: _____

Ts. KTS. NGUYỄN VĂN ĐƯỢC

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG

TRƯỜNG GIANG VN

17811 ĐƯỜNG 30, PHƯỜNG 25, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM

ĐT: 08.842224 - FAX: 08.531086